

Bản án số: 46/2018/DS-PT  
Ngày 27 - 4 - 2018  
V/v tranh quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Lệ Kiều

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Thanh Dũng  
Bà Châu Minh Nguyệt

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Ni - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2018/TLPT-DS ngày 02 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự.

**- Nguyên đơn:** Ông Lê Văn N, sinh năm 1973 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

**- Đồng bị đơn:** Ông Đào Văn H, sinh năm 1973

Bà Nguyễn Hồng T, sinh năm 1973

Cùng địa chỉ: Ấp AA, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn:* Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp AAA, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 21 tháng 10 năm 2017 – có mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đào Văn H:* Bà Tạ Nguyệt TT, là Luật sư của Trung tâm TVPL thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Lương Ngọc BB, sinh năm 1971

Ông Nguyễn Ngọc A1, sinh năm 1962 (có mặt)

Bà Lê Thị V, sinh năm 1962 (có mặt)

Ông Huỳnh Thanh HH, sinh năm 1951

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của bà Lương Ngọc BB:* Ông Lê Văn N, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 10 năm 2016 – có mặt).

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Thanh HH:* Bà Lê Thị HHH, sinh năm 1962. Địa chỉ: Ấp A, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 6 tháng 4 năm 2017 - có mặt).

Ông Nguyễn Hùng A2, sinh năm 1970

Bà Lưu Thị G, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: Ấp AA, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hùng A2 và bà Lưu Thị G:* Ông Trần Hoàng L, sinh năm 1981. Địa chỉ: Ấp AAA, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 11 năm 2017 – có mặt).

Ủy ban nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ: Khóm OO, phường MM, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu:* Ông Đỗ Minh TTT, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Đỗ Minh TTT:* Ông Đỗ Thanh TT, Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Hoàng L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đào Văn H.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn ông Lê Văn N trình bày:* Vào năm 1997 ông có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Nguyễn Ngọc A1 diện tích đất 03 công, còn phần đất đang tranh chấp ông mới nhận chuyển nhượng thêm của ông A1 vào năm 2014 và các bên chỉ làm giấy tay, chưa làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất nhưng thực tế ông vẫn sử dụng phần đất tranh chấp từ năm 1997 để làm đường thoát nước cho phần đất đã chuyển nhượng 03 công, vì thực tế phần đất tranh chấp trước đây chỉ là đất trống. Nay ông yêu cầu vợ chồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T giao

trả cho ông và vợ ông là bà Lương Ngọc BB phần đất 102,6m<sup>2</sup> và hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A1.

*Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T là ông Trần Hoàng L trình bày:* Phần đất đang tranh chấp là của bà Lý Thị X, bà X chuyển nhượng cho ông Trần Văn LL. Đến ngày 15 tháng 10 năm 1995 ông LL chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T, khi chuyển nhượng các bên có làm giấy tay, hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất tranh chấp ông H, bà T cho ông Nguyễn Hùng A2 sử dụng. Tuy nhiên, nay ông Hùng A2 không còn sử dụng phần đất này nữa. Ông H, bà T không đồng ý theo yêu cầu của ông Lê Văn N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hùng A2 và bà Lưu Thị G trình bày:* Phần đất tranh chấp ông, bà đang quản lý và sử dụng do ông Đào Văn H cho mượn. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của ông Hùng A2 và bà G xác định, hiện nay ông Hùng A2 và bà G không còn quản lý và sử dụng phần đất tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc A1 và bà Lê Thị V trình bày:* Phần đất tranh chấp do ông A1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã chuyển nhượng cho ông Lê Văn N vào năm 2014 nhưng chưa làm thủ tục chuyển tên, còn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Huỳnh Thanh HH giữ, vì vợ chồng ông A1 và bà V có chuyển nhượng cho ông HH phần đất (không phải đất tranh chấp) nhưng chưa làm thủ tục sang tên nên giao cho ông HH giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay, ông A1 và bà V đồng ý theo yêu cầu của ông N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Thanh HH trình bày:* Ông có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Ngọc A1 và bà Lê Thị V 02 công đất nên ông giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông A1.

*Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu trình bày:* Phần đất tranh chấp có diện tích 102,6m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp AA, xã B, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Ngọc A1 đứng tên, cấp ngày 19 tháng 10 năm 1995, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 04511 và việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng trình tự và thủ tục theo quy định của Luật Đất đai. Việc ông Lê Văn N nhận chuyển nhượng đất từ ông A1 chỉ có làm giấy tay, chưa làm các thủ tục chuyển nhượng theo quy định nên trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn thì các bên liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục theo quy định.

Từ nội dung trên, tại Bản án số 02/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 34, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100 Luật Đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6

năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh về án phí, lệ phí.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N.

2. Buộc ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ giao trả cho ông Lê Văn N và bà Lương Ngọc BB phần đất diện tích 102,6m<sup>2</sup> thửa số 371 tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Ngọc A1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19 tháng 10 năm 1995, tọa lạc tại ấp AA, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đường bê tông cạnh dài 13,8m;
- Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn N cạnh dài 15,3m;
- Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Ngọc T1 cạnh dài 5m;
- Hướng Bắc giáp ông Đào Văn H cạnh dài 9,1m.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân thị xã GR thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc A1 diện tích 102,6m<sup>2</sup> thửa 371 tờ bản đồ số 02 và cấp lại cho ông Lê Văn N và bà Lương Ngọc BB theo thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí dân sự sơ thẩm, chi phí xem xét thẩm định, định giá, lệ phí cung cấp thông tin, điều luật thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23 tháng 01 năm 2018 người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đào Văn H là ông Trần Hoàng L kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T trả phần đất có diện tích 102,6m<sup>2</sup> cho ông Lê Văn N là không có cơ sở, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Đào Văn H trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp vợ chồng ông H và bà Thẩm nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn L1 vào ngày 15/10/1995 và sử dụng đất tranh chấp cho đến nay. Còn nguyên đơn xác định phần đất tranh chấp nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông A1 và bà V vào ngày 06/9/2014 và có làm giấy tay chuyển nhượng đất, nhưng giấy tay chuyển nhượng đất nêu trên chỉ ghi diện tích 518m<sup>2</sup> dính vào bằng khoán của ông N, không mô tả vị trí đất nhận chuyển nhượng theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ông A1 xác định vị trí đất do ông A1 đứng tên, đất tranh chấp ông chưa thực hiện xong thủ tục chuyển nhượng cho ông N. Căn cứ bản đồ giải thửa không phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông A1 đứng tên. Các đương sự đều xác định giữa hai phần đất tranh chấp là đất của ông K (ông K là cha vợ của ông H). Xét về quá trình sử dụng đất của nguyên đơn thì nguyên đơn xác định sử dụng từ năm 2014, đến năm 2016 thì bị đơn chiếm sử dụng. Tuy nhiên, ông Nguyễn Hùng A2 xác định ông Hùng A2 sử dụng đất do ông H cho mượn, như vậy đất tranh chấp do ông H sử dụng thì làm gì có đất để ông A1, bà V chuyển nhượng cho ông N vào năm 2014. Do đó, theo quy định của pháp

luật thì ông N mới là người phải chứng minh yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ. Về vị trí, đất Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ, vì đương sự khai không thống nhất là đất tại ấp A, hay ấp AA. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hoàng L là người đại diện theo ủy quyền của ông Đào Văn H, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N đối với ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Trần Hoàng L là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đào Văn H, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự tại phiên tòa, nghe ý kiến đề xuất của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn ông Lê Văn N xác định đất tranh chấp ông nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Ngọc A1 và bà Lê Thị V vào năm 2014, khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay ngày 6 tháng 9 năm 2014, nhưng các bên chưa làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Người đại diện theo ủy quyền của đồng bị đơn là ông Trần Hoàng L xác định đất tranh chấp trước đây của bà Lý Thị X chuyển nhượng lại cho ông Trần Văn L1, đến năm 1995 ông L1 chuyển nhượng lại cho vợ chồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T, khi chuyển nhượng hai bên có làm giấy tay vào ngày 15 tháng 10 năm 1995, hiện ông H và bà T chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

[3] Tại lời khai ngày 24 tháng 5 năm 2017 (Bút lục 99, 100) ông Trần Văn L1 xác định vào năm 1995 ông có chuyển nhượng cho ông H, bà T phần đất 03 công, khi chuyển nhượng có làm giấy tay ngày 15 tháng 10 năm 1995. Tuy nhiên, phần đất mà ông chuyển nhượng cho ông H, bà T không phải là phần đất hiện ông N, ông H đang tranh chấp, đồng thời phần đất ông nhận chuyển nhượng từ bà X cũng không có phần đất tranh chấp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24 tháng 5 năm 2017, ngày 01 tháng 8 năm 2017 (Bút lục 103, 104, 105) bà Lê Thị V và ông Nguyễn Ngọc A1 đồng xác định phần đất tranh chấp là do ông, bà chuyển nhượng cho ông N vào năm 2014, khi chuyển nhượng có làm giấy tay ngày 6 tháng 4 năm 2014, phần đất này ông A1 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho ông N. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 24

tháng 5 năm 2017 (Bút lục 106) ông Lâm Văn T3 xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của ông A1, bà V, còn phần đất 03 công tầm cây mà bà X chuyển nhượng cho ông L1, sau đó ông L1 chuyển nhượng cho ông H, bà T thì không có phần đất tranh chấp.

[4] Như vậy, ông L cho rằng phần đất tranh chấp là do vợ chồng ông H, bà T nhận chuyển nhượng của ông L1, nhưng ông L1 không thừa nhận. Còn lời khai của ông A1, bà V, ông T3 phù hợp với lời khai của ông N và phù hợp với lời trình bày của đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thị xã GR (Bút lục 75) xác định phần đất tranh chấp diện tích 102,6m<sup>2</sup> tại thửa 371, tờ bản đồ 02, tọa lạc tại ấp AA, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Ngọc A1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19 tháng 10 năm 1995, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông A1 là đúng trình tự, thủ tục. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của ông L về nguồn gốc đất tranh chấp.

[5] Xét về quá trình sử dụng đất tranh chấp: Ông L xác định phần đất tranh chấp được ông H, bà T sử dụng từ khi nhận chuyển nhượng đến năm 1998 thì cho ông Nguyễn Hùng A2 mượn, sau đó ông Hùng A2 cho ông N mượn lại để nhờ cho máy móc lên xuống, ông N không có âm cống bơm nước mà người âm cống là ông Nguyễn Văn D vì ông D là người làm đất phía trong. Phía ông N xác định ông đã sử dụng phần đất này từ năm 1997 để làm đường thoát nước của phần đất 03 công (phần đất không tranh chấp) mà ông đã nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông A1, bà V vào năm 1997. Ông là người âm cống bơm nước và cho máy móc lên xuống. Lời khai của ông N là phù hợp với lời khai của ông Nguyễn Văn D ngày 15 tháng 01 năm 2018 (Bút lục 209) là ông D không có âm cống bơm nước, mà việc âm cống là ông do ông N làm và ông D chỉ mượn ông N khi cần xỏ nước hoặc để lúa. Như vậy, thực tế ông H không có thời gian sử dụng phần đất này mà ông N mới là người sử dụng. Từ các chứng cứ nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là đúng quy định pháp luật.

[6] Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông ông Đào Văn H và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H; có căn cứ chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

[7] Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[8] Án phí dân sự phúc thẩm ông Đào Văn H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 34, Điều 228, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 100 Luật Đất đai; Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 6 năm 2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh về án phí, lệ phí. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Đào Văn H. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

#### Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn N đối với ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T về việc đòi quyền sử dụng đất.

2. Buộc ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T có nghĩa vụ giao trả cho ông Lê Văn N và bà Lương Ngọc BB phần đất diện tích 102,6m<sup>2</sup> thửa số 371, tờ bản đồ số 02 do ông Nguyễn Ngọc A1 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 19 tháng 10 năm 1995, tọa lạc tại ấp AA, xã B, thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu, có vị trí và số đo như sau:

- Hướng Đông giáp đường bê tông cạnh dài 13,80m;
- Hướng Tây giáp đất ông Lê Văn N cạnh dài 15,30m;
- Hướng Nam giáp đất bà Nguyễn Ngọc T1 cạnh dài 5.0m;
- Hướng Bắc giáp ông Đào Văn H cạnh dài 9.10m.

3. Ủy ban nhân thị xã GR có trách nhiệm thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Ngọc A1 diện tích 102,6m<sup>2</sup> thửa 371, tờ bản đồ số 02 cấp lại cho ông Lê Văn N và bà Lương Ngọc BB theo thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và lệ phí cung cấp thông tin số tiền 1.200.000 đồng ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T phải chịu. Ông Lê Văn N đã nộp xong số tiền 1.200.000 đồng. Buộc ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T nộp số tiền 1.200.000 đồng để hoàn lại cho ông Lê Văn N 1.200.000 đồng.

#### 5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm buộc ông Đào Văn H và bà Nguyễn Hồng T cùng phải chịu số tiền 300.000 đồng; nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu.

Ông Lê Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 200.000 đồng theo biên lai thu số 0001094 ngày 21/9/2016 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại số tiền 200.000 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm ông Đào Văn H phải chịu 300.000 đồng, ông Trần Hoàng L là người đại diện theo ủy quyền của ông H đã nộp thay cho ông H

tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0010829 ngày 30 tháng 01 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã GR, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí phúc thẩm 300.000 đồng.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND TX. GR;
- CCTHADS TX. GR;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Lệ Kiều**